

TÁC ĐỘNG CỦA KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH THẾ GIỚI TỚI NGƯỜI DI CƯ LAO ĐỘNG QUỐC TẾ VÀ PHƯƠNG THỨC ĐỐI PHÓ CỦA HỌ

NGUYỄN HỒNG THÁI*

I. DẪN NHẬP

Từ 3/2009 đến 7/2009, viện Xã hội học với sự tài trợ của UNICEF, thực hiện một đánh giá nhanh tác động của khủng hoảng tài chính thế giới (sau đây viết tắt là "khủng hoảng") tới người Việt Nam di cư lao động quốc tế (LĐQT) và gia đình của họ. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ muốn trình bày những tác động bước đầu của khủng hoảng tới người LĐQT và phương thức đối phó của họ, kể từ khi khủng hoảng bắt đầu xảy ra vào đầu năm 2008 tới thời điểm nghiên cứu – khi mà khủng hoảng vẫn đang tiếp diễn. Bài viết này chủ yếu sử dụng số liệu từ 36 phỏng vấn sâu và 18 thảo luận nhóm tập trung người LĐQT vừa mới về nước và gia đình của họ. Dữ liệu được bổ sung bằng kết quả bảng hỏi với 352 hộ gia đình có người LĐQT tại 9 xã/phường của ba tỉnh Cần Thơ, Khánh Hòa, và Hà Tĩnh.

Mặc dù bài viết này cung cấp những bằng chứng về các tác động tới LĐQT và phương thức đối phó của họ, song do một số hạn chế của số liệu, các phát hiện của nghiên cứu không phải là những tác động cuối cùng của khủng hoảng, đồng thời cũng chưa thể suy rộng cho tất cả LĐQT Việt Nam.

Di cư lao động quốc tế trong nghiên cứu này là những người ra nước ngoài/vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam như một sinh kế. Không bao gồm những người ra nước ngoài vì lý do chính trị, tôn giáo hay kết hôn có yếu tố nước ngoài...

LĐQT hợp pháp là những người có **có hợp đồng** được các doanh nghiệp có chức năng đưa lao động ra nước ngoài làm việc thực hiện. Hợp đồng lao động phải còn hiệu lực. LĐQT bất hợp pháp gồm những người ra nước ngoài lao động không do các doanh nghiệp có chức năng đưa người ra nước ngoài làm việc thực hiện, bao gồm cả số lao động phá hợp đồng (khi đi có hợp đồng) trốn ra ngoài làm, hoặc đã hoàn thành hợp đồng nhưng không về nước, tự ở lại ký hợp đồng trực tiếp với chủ sử dụng lao động.

II. TÁC ĐỘNG CỦA KHỦNG HOẢNG TỚI LĐQT

Tác động của khủng hoảng tới các nước nhận lao động Việt Nam là khác nhau, do vậy, tác động đến người LĐQT cũng rất khác nhau. Mức độ ảnh hưởng phụ thuộc vào điều kiện phát triển của từng nước, theo lĩnh vực/ngành nghề có sử dụng LĐQT, thời gian và tính hợp pháp của di cư. Tại những nước phát triển như Nhật bản, Hàn quốc, LĐQT có điều kiện được hưởng quyền lợi từ chính sách bảo hiểm mất việc làm, bảo hiểm thất nghiệp và hệ thống an sinh xã hội.

* *ThS, Viện Xã hội học - Viện Khoa học xã hội Việt Nam*

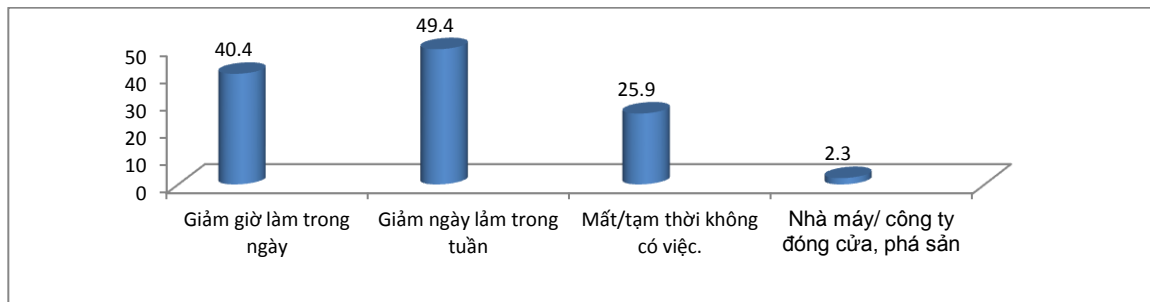
Người lao động trong công ty chúng em được hưởng 70% hoặc nguyên lương theo hợp đồng, nếu không có việc làm hoặc phải giảm giờ làm do công ty thiếu việc, chứ không phải nguyên nhân từ phía người lao động chúng em gây ra. Nhưng là với vài tháng đầu thôi. Nếu kéo dài thì chủ sẽ có thỏa thuận với người lao động”.

(Nam 42 tuổi, lớp 12/12, LĐQT từ Nhật về nước 12/2008 do hết hạn hợp đồng).

Tại các nước có hệ thống an sinh xã hội kém như Malaysia, các nước Đông Âu cũ, đặc biệt là với LĐQT bất hợp pháp họ không được hưởng bất cứ một hình thức hỗ trợ mất việc, giảm giờ làm nào. Họ chỉ được hưởng lương theo số giờ thực làm việc, nếu không có việc làm là không có lương. Do đó, khi khủng hoảng xảy ra, cuộc sống của người lao động là rất bấp bênh, họ không thể tự chủ được cuộc sống.

2.1. Tác động của khủng hoảng tới việc làm của LĐQT

Khủng hoảng tác động trước hết tới việc làm của LĐQT với nhiều hình thức đan xen: giảm giờ làm trong ngày, giảm ngày làm trong tuần, mất việc tạm thời hoặc tồi tệ nhất là hoàn toàn không có việc do công ty/xí nghiệp phá sản hoặc đóng cửa.



Hình 2.1. Tỷ lệ các hình thức bị cắt/giảm việc làm do khủng hoảng.

Có tới 65% LĐQT bị mất hoặc cắt giảm việc làm do khủng hoảng. Chủ yếu là giảm ngày làm/tuần với 50% số LĐQT, tiếp theo là 40% bị cắt giảm giờ làm/1 ngày, có tới hơn 1/4 bị mất việc tạm thời hay không có việc làm. Và có 2,3% rơi vào tình cảnh đặc biệt nghiêm trọng khi công ty, nhà máy phải đóng cửa/phá sản, họ hoàn toàn không có việc làm và thu nhập. Cần cần lưu ý là, một LĐQT có thể phải chịu cùng một lúc nhiều hình thức cắt giảm việc làm.

Tác động tới việc làm theo nước tiếp nhận lao động:

Hàn Quốc, Đài Loan và các nước châu Á khác (Thái lan, Lào, Brunay) là 3 nước/khu vực ít chịu ảnh hưởng của khủng hoảng tới việc làm của LĐQT nhất với chỉ từ 46% - 61% bị ảnh hưởng với các mức độ khác nhau. Lý do cơ bản là do số LĐQT tại các nước này làm việc trong các ngành nghề ít chịu tác động của khủng hoảng như nông, ngư nghiệp, giúp việc gia đình là khá đông (sẽ trình bày kỹ ở phần sau).

Nga 100%, Séc và Malaysia với xấp xỉ 90% LĐQT bị mất/cắt giảm việc làm là những

nước bị ảnh hưởng nặng nề nhất của khủng hoảng. Tại Séc, Nga hơn 60% mất việc tạm thời, xấp xỉ 70% bị cắt giảm ngày làm trong tuần, một tỷ lệ tương tự diễn ra ở Malaysia. Ảnh hưởng nặng nhất là số giờ làm thêm bị cắt giảm. Mà đối với hầu hết LĐQT, thu nhập từ làm thêm thường là thu nhập chính để họ gửi tiền trả nợ và trợ giúp gia đình.

Đi Malaysia như chúng em, khi đi đã biết lương trong hợp đồng đã ký chỉ đủ trang trải chi phí sinh hoạt ở mức thấp. Tất cả trông chờ vào thu nhập từ làm thêm giờ (bằng 150% so với lương trong hợp đồng). Lúc đầu mới sang thì cũng có việc để làm thêm, khi có khủng hoảng thì đến việc làm chính còn không có, nên không đủ tiền để sống. Em phải báo cho gia đình vay tiền gửi sang để về nước.

(Nam, 36 tuổi, LĐQT ở Malaysia về nước trước thời hạn, Cần Thơ)

Do không có việc/cắt giảm giờ làm nên số lao động phá hợp đồng ra ngoài kiếm sống từ khi khủng hoảng khá cao. Theo ước tính tại Đài Loan là 40%. Số người này cuộc sống rất bấp bênh hoàn toàn phụ thuộc vào may rủi.

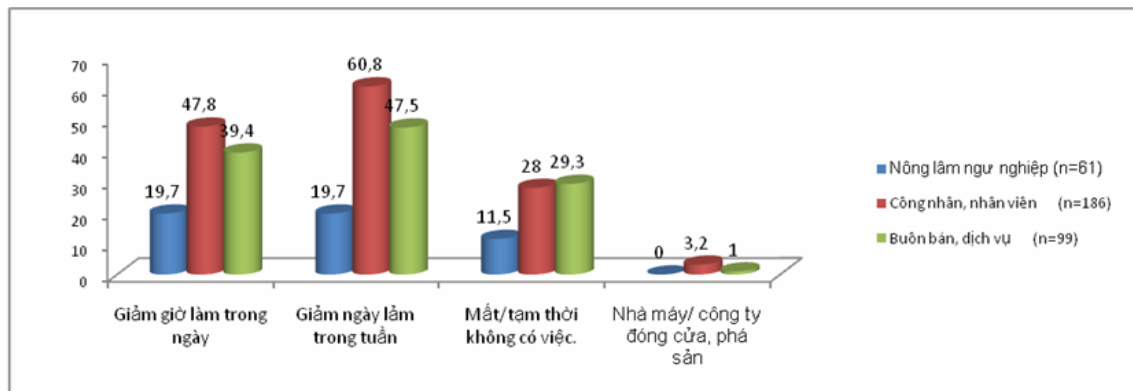
Nếu tìm được việc làm thì có thu nhập khá hơn nhiều có thể tiết kiệm được vài trăm USD/tháng gửi về nhà. Nhưng nếu bị cảnh sát bắt thì sẽ bị trục xuất về nước với gánh nặng nợ nần khó có thể trả được.

(Nam, 25 tuổi, LĐQT ở Đài Loan về nước chưa hết hợp đồng, Hà Tĩnh).

Khủng hoảng cũng ảnh hưởng số LĐQT đã hoàn thành hợp đồng. Trước đây, họ có thể ký tiếp hợp đồng. Gặp khủng hoảng họ phải về nước, chờ đợi kinh tế phục hồi thì người chủ hứa sẽ tiếp tục gọi sang làm việc vì đã quen việc, thường có tay nghề cao, đạo đức tốt, có quan hệ tốt với chủ (Hàn Quốc, Đài Loan).

Tác động tới việc làm theo ngành nghề, lĩnh vực làm việc:

LĐQT làm việc trong các ngành điện tử, ô tô, đồ tiêu dùng ... chịu ảnh hưởng nặng nề hơn những ngành nông ngư nghiệp, hay giúp việc gia đình. Các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu chịu ảnh hưởng nặng nhất. Doanh nghiệp đóng cửa phá sản chủ yếu trong các lĩnh vực này.



Hình 2.2. Tỷ lệ % mất/giảm việc làm của LĐQT- phân theo ngành nghề làm việc

Lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp chỉ có ¼ bị mất/cắt giảm việc làm, trong khi tỷ lệ này ở ngành công nghiệp là 79%. Trong đó, cao nhất là 61% giảm ngày làm trong tuần. Đây cũng là lĩnh vực có nhà máy công ty bị đóng cửa phá sản nhiều nhất với 3,2%. Buôn bán dịch vụ có 65% bị mất hoặc cắt giảm việc làm (xem hình 2.2).

Tác động tới việc làm theo tính hợp pháp của LĐQT.

Nhóm có hợp đồng lao động hợp pháp có tỷ lệ bị mất/giảm việc làm chỉ là 64% thấp hơn khá nhiều so với nhóm bất hợp pháp là 75%. Điều này là do một số LĐQT có hợp đồng được hưởng những chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ việc làm của nước sở tại.

Số LĐQT bất hợp pháp chủ yếu ở Đông Âu cũ, Malaysia... chịu ảnh hưởng của khủng hoảng khá nặng nề. Họ hoàn toàn gánh chịu những hậu quả của khủng hoảng, không có bất kỳ sự hỗ trợ nào.

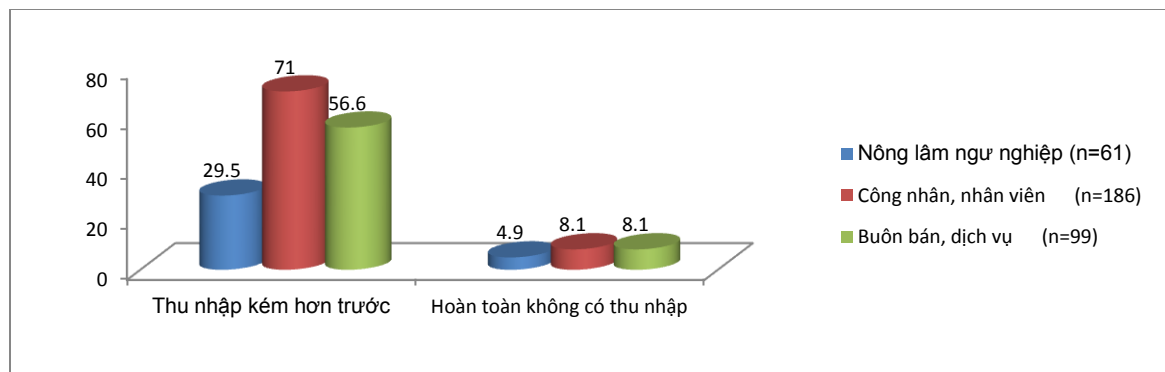
Các cháu sang Nga làm cho công ty may của người Việt từ 10/2007. Ba tháng sau công ty bắt đầu giảm việc do khủng hoảng, sau đó là không có việc làm. Một ngày chỉ được phát khẩu phần vừa đủ no. Lạnh quá bị ốm đau, không có tiền gọi điện về nước từ tháng 9/2008 đến nay. Nếu muốn về nước thì phải gửi 1200 USD sang. Nhà nghèo như chúng tôi thì lấy đâu ra, chỉ mong cho các cháu không chết đói là tốt rồi... Lúc đi mất 46 triệu, do tin tưởng nên không có giấy biên nhận hay hợp đồng gì cả. Số nợ này chúng tôi không có cách gì trả được.

(TLN, mẹ của LĐQT ở CHLB Nga, 56 tuổi, hộ nghèo, Hà Tĩnh).

LĐQT tại Đức, Cộng hòa Séc, Nga..., chủ yếu làm dịch vụ buôn bán, thậm chí buôn bán bất hợp pháp, ngoài việc chịu rủi ro nếu bị cảnh sát bắt trục xuất do cư trú bất hợp pháp cũng chịu tác động của khủng hoảng cũng rất lớn.

2.2. Tác động của khủng hoảng tới thu nhập của LĐQT:

Việc làm của LĐQT bị suy giảm. Hệ quả tất yếu là thu nhập của họ bị giảm đi đáng kể.



Hình 2.3. Suy giảm thu nhập của LĐQT so với trước khủng hoảng - Tỷ lệ % theo ngành nghề

Tính chung, khoảng 66% LĐQT thu nhập kém đi hay không có thu nhập. Trong đó, 59% LĐQT có thu nhập giảm đi. Tỷ lệ này ở nhóm nghề nông lâm ngư nghiệp là thấp

nhất chỉ với 30%, nhóm công nhân cao hơn gấp đôi với 71%. Đặc biệt, có 7,4 % hoàn toàn không có thu nhập từ khi khủng hoảng. Và số này cũng thấp nhất ở ngành nông lâm ngư nghiệp với 4,9 %, công nhân và buôn bán dịch vụ là 8,1%.

2.3. Tác động của khủng hoảng tới tiền gửi về gia đình:

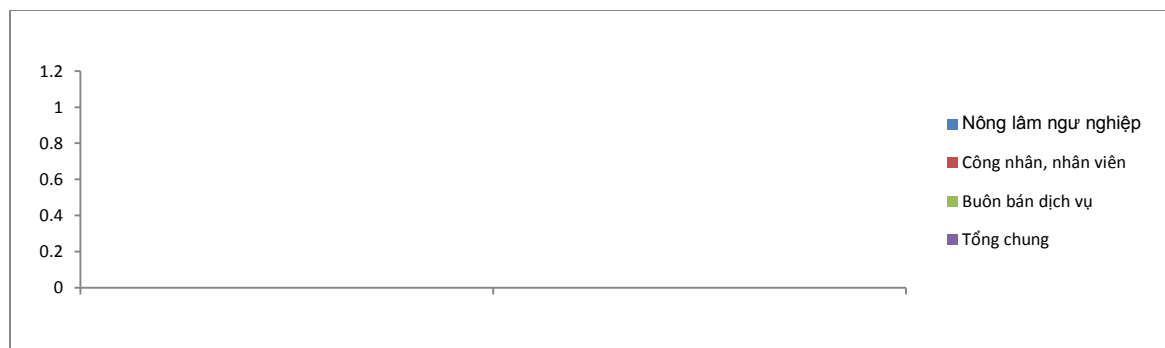
Thu nhập của LĐQT giảm đi, nên hầu hết số tiền gửi về nước (nếu còn điều kiện) đều giảm đi cả về số lượng/1 lần gửi, và khoảng cách giữa các lần gửi tăng lên. Thậm chí nhiều gia đình phải gửi tiền sang hỗ trợ người LĐQT để họ tồn tại chờ cơ hội mới hoặc tìm cách về nước.

Nhà em từ khi khủng hoảng không có việc, không có tiền để sống... Em phải gửi tiền sang cho Anh ấy sống để chờ đến khi có việc thì kiếm tiền gửi về nhà. Đây là số tiền mấy năm trước anh ấy tiết kiệm và gửi về. Em gửi vào ngân hàng để định sửa cái nhà”

(TLN gia đình người LĐQT, Nữ, 45 tuổi, chồng ở Séc, nội trợ, Hà Tĩnh).

Khoảng cách giữa các lần gửi tiền về lâu hơn trước:

Trước hết, có 22,4% LĐQT không gửi tiền về nhà từ 6/2008. Tỷ lệ này cao gần gấp 3 lần số LĐQT hoàn toàn không có thu nhập (8%). Như vậy, có tỷ lệ đáng kể mà thu nhập của họ chỉ đủ tiêu dùng, không có dư thừa để gửi về trả nợ/hỗ trợ gia đình. Gần 42% LĐQT gửi tiền về nhà chậm hơn so với trước khủng hoảng (Hình 2.4)



Hình 2.4. Gửi tiền về nhà chậm, không gửi so với trước khủng hoảng; tỷ lệ % theo nghề của LĐQT

Chiếm tỷ trọng cao nhất là thời gian gửi tiền chậm hơn 3 tháng/lần so với trước khủng hoảng với 33%, chậm hơn 2 tháng với 27 %. LĐQT làm việc trong ngành nông ngư nghiệp chỉ có 1/5 không gửi tiền về nhà và 13% gửi chậm hơn so với trước khủng hoảng. Các tỷ lệ tương ứng ở ngành công nghiệp là 23% và 52% (gấp 4 lần).

Theo giới tính, LĐQT nữ có xu hướng ổn định hơn nam về thời gian gửi tiền về nhà. Cụ thể, gửi chậm hơn trước ở nữ chỉ là 26% trong khi ở nam là 44%. Nhưng có điểm đặc biệt là tỷ lệ không gửi tiền từ khi khủng hoảng ở nữ là 33% cao hơn khá nhiều so với nam với 21%. Điều này, theo ý kiến của một người trong cuộc có thể là do:

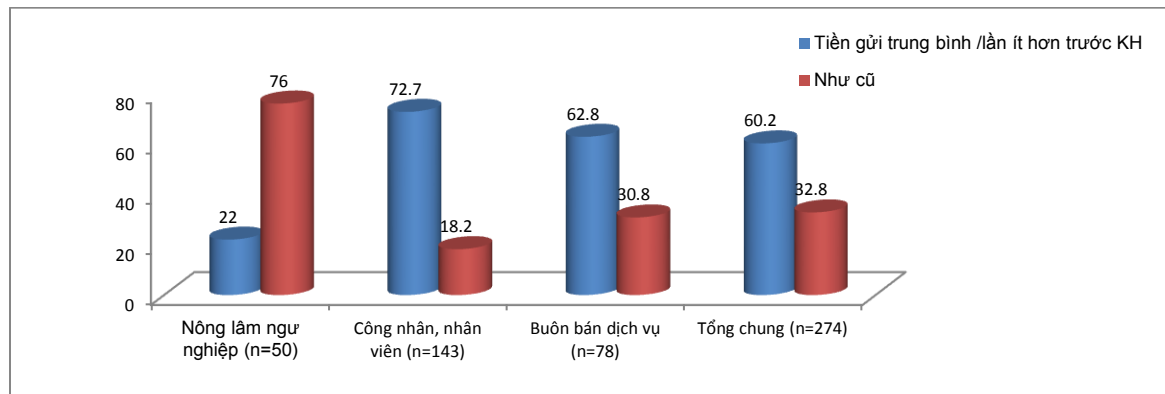
Khi thu nhập kém đi, người phụ nữ ở nước ngoài phải lo tích góp phòng thân. Nếu không có tiền, cuộc sống sẽ rất nguy hiểm. Họ có thể bị đẩy vào còn đường cùng phải bán thân nuôi miệng bất cứ lúc nào. Họ khó có thể tìm việc làm ngoài pháp luật như nam giới. Họ không thể đi đêm về hôm vì bên này cướp bóc xảy ra luôn vào buổi đêm. Nam giới thì tiện hơn nhiều, để trợ giúp gia đình họ có thể vay tiền gửi về, kiếm các việc làm có thể có thu nhập để trả nợ.

(Nam, 35 tuổi, LĐQT ở Malaysia về nước trước thời hạn, Hà Tĩnh)

Số tiền trung bình/lần gửi về nhà ít hơn trước:

Số tiền bình quân 1 lần gửi cũng bị suy giảm. Trong số 274 LĐQT còn gửi tiền về nhà, có tới 60% LĐQT có số tiền gửi về bình quân ít hơn trước. Trung bình số tiền gửi/lần của LĐQT chỉ bằng 55% so với trước khủng hoảng.

Phân theo ngành nghề, LĐQT làm nông ngư nghiệp chỉ có 22% có số tiền gửi về/lần ít hơn so với trước khủng hoảng, trong khi đó ngành công nghiệp là 73% và buôn bán dịch vụ là 63%.



Hình 2.5. Số tiền gửi trung bình/lần so với trước khủng hoảng; tỷ lệ % phân theo ngành nghề/lĩnh vực làm việc của LĐQT.

Ngoài nguyên nhân thu nhập bị suy giảm, lạm phát, tỷ giá giữa tiền bản địa và USD tăng do khủng hoảng, đã làm giảm đi đáng kể số tiền để gửi về cho gia đình.

Cứ cho thu nhập là không đổi nhưng từ khi em sang đến lúc em về nước, giá sinh hoạt đắt lên gấp 4 lần. Món chính của chúng em là hột gà (trứng gà). Làm gì còn tiền mà gửi về.

(TLN LĐQT về nước trước thời hạn, 37 tuổi, đi Malaysia, Cần Thơ)

Lúc mới sang thì tỷ giá tiền Hàn với USD là 1/9. Khi em về là 1/16 tức là gần gấp đôi. Mà thu nhập không tăng thậm chí là ít đi, nên tiền gửi về chỉ còn 40% so với trước.

(TLN LĐQT đi Hàn Quốc về nước từ 6/2008 đến nay, Nam, 44 tuổi, Hà Tĩnh).

2.4. Khủng hoảng tác động tới đời sống tinh thần của LĐQT:

Đối mặt với khủng hoảng, bị cắt giảm việc làm, suy giảm thu nhập đã ảnh hưởng tới đời sống tinh thần của LĐQT. Thông tin trao đổi với gia đình trong nước cho thấy: gần 3/4 cảm thấy buồn chán không an tâm làm việc, 69% lo cho gia đình trong nước gặp khó khăn vì LĐQT trong đa số trường hợp là nguồn thu nhập chính của gia đình.

Điều đáng quan tâm là có tới 46% lo lắng cho số nợ còn phải trả. Đây là gánh nặng tài chính đối với gia đình trong nước, nhất là với những gia đình vay tín dụng đen để đi LĐQT. Với 28% muốn về nước trước thời hạn dù vẫn còn nợ nần cho thấy cuộc sống của họ tại nước ngoài là vô cùng gian khổ và không đạt được mục đích kinh tế.

Bảng 2.1. Tác động của khủng hoảng tới đời sống tinh thần của LĐQT (tỷ lệ % ý kiến)

Buồn chán, không an tâm làm việc	Muốn phá hợp đồng ra ngoài tìm việc làm	Muốn về nước	Lo cho gia đình gặp khó khăn	Lo cho số nợ còn phải trả	Không ảnh hưởng gì	Không biết
71,6	8,0	27,6	68,5	45,5	19,0	3,7

III. CÁC PHƯƠNG THỨC ỨNG PHÓ VỚI KHỦNG HOẢNG CỦA LĐQT

LĐQT Việt Nam bị động và đối phó tạm bợ trước khủng hoảng:

Nhóm nghiên cứu khá bất ngờ khi phát hiện ra rằng, với đa số LĐQT, những thông tin về khủng hoảng kinh tế mà họ có được chủ yếu là do liên lạc với gia đình trong nước. Tại nước tiếp nhận lao động, do sống tương đối biệt lập trong các khu giành cho công nhân, không đủ năng lực ngoại ngữ để tiếp cận với các phương tiện thông tin đại chúng nên họ hầu như không thể cập nhật thông tin về khủng hoảng. Do đó, LĐQT hầu như không được chuẩn bị, không được tổ chức và trang bị kỹ năng để ứng phó với khủng hoảng. Cách thức ứng phó của họ là bị động và tạm bợ, được đến đâu hay đến đó.

Chúng em đi làm về mệt nên thường ăn xong là ngủ hay đánh bài. TV thì cũng không hiểu được nhiều. Hay xem phim chứ không xem tin tức thời sự, nên cũng chẳng biết thông tin gì về khủng hoảng. Điện thoại với gia đình mới biết một chút về khủng hoảng, mới biết không có việc làm là do khủng hoảng. Chủ cũng chẳng thông báo gì.

(Nam, 27 tuổi, LĐQT đi Malaysia về nước trước khi hết hợp đồng, Cần Thơ).

Phương thức đối phó đầu tiên là cắt giảm chi tiêu tới mức tối thiểu. Tiếp đó là vay tiền của người còn việc làm để sống với hy vọng khi nào có việc thì mới có tiền trả. Số phải nhịn đói hay ra ngoài sống bất hợp pháp là không ít. Số kém may mắn nhất là chủ vỡ nợ bỏ trốn và họ bị bỏ mặc. Nhiều người không đủ tiền để sống, phải tự tìm nguồn sống bằng cách vào rừng bắt cá, bắt thú, đập kỳ đà để ăn (Malaysia, Nga). Một cụm từ được

nhiều người nhắc đến để nói về thực trạng đi Malaysia là đi “Ma lòi xin ăn”. Số công nhân bị bỏ đói, bệnh tật không có tiền để về nước khá nhiều.

Khác biệt giới trong ứng phó với khủng hoảng:

Mặc dù khủng hoảng tác động đến việc làm, thu nhập của lao động nam hay nữ trong cùng một doanh nghiệp không có sự khác biệt về giới. Song cách thức đối phó, tổ chức cuộc sống trước tác động của khủng hoảng thì có sự khác biệt khá rõ.

Với nhóm LĐQT chỉ bị giảm giờ làm, giảm thu nhập dưới 40%, lao động nữ tỏ ra kiên nhẫn, có kỹ năng tổ chức cuộc sống để đối phó tốt hơn nam. Nữ thường cắt giảm các chi phí tới mức có thể, tự tổ chức đời sống sinh hoạt hiệu quả hơn nam. Cùng hoàn cảnh, trong thời gian không có việc, nam thường tỏ ra chán nản dẫn đến rượu chè cờ bạc, ảnh hưởng nghiêm trọng tới thu nhập và ổn định cuộc sống. Sự hỗ trợ lẫn nhau khi gặp khó khăn trong nhóm lao động nữ cũng thường tốt hơn nhóm lao động nam.

Bọn em khi không có việc thì lại hay nhậu nhẹt. Tiền thì tích lũy trước đó, có khi định gửi về lại lấy ra tiêu. Ở Hàn Quốc khi trước thì cũng kiếm được nên quen nhậu cũng khá tốn kém.

(Nam, 26 tuổi, LĐQT ở Hàn Quốc hết hợp đồng về nước 11/2008, Khánh Hòa)

Tuy nhiên, những trường hợp bị mất việc hoàn toàn trong thời gian dài thì lao động nữ bị ảnh hưởng nghiêm trọng hơn nhiều. Tại Đài Loan, nhất là Malaysia, một số lao động nữ đã phải lựa chọn “làm thêm bằng vốn tự có”¹ để có thể đảm bảo cuộc sống và có tiền gửi về trả nợ. Điều này không chỉ ảnh hưởng tới hạnh phúc gia đình, phẩm giá của phụ nữ mà còn ảnh hưởng tới Quốc thể của Việt Nam.

Nói ra thì không phải chúng em nói xấu phụ nữ. Trước đó cũng có, nhưng từ khi không có việc làm, có khá nhiều công nhân nữ chấp nhận cặp kè với chủ, quản đốc... thường là ba Tàu. Không thì không có đủ tiền để sống. Nam giới thì họ có thể trốn ra ngoài làm chui, đi đêm về hôm, cảnh sát mà bắt được thì bị tù, đánh đập, trục xuất về nước...Nữ thì không thể làm thế được. Bị cảnh sát bắt còn nhục hơn.

(Nữ, LĐQT Malaysia về nước do gia đình gửi tiền sang, 32 tuổi, Hà Tĩnh)

Có còn lựa chọn nào khác?

Một giải pháp bắt buộc mà không ít người phải lựa chọn là phá hợp đồng trốn ra ngoài sống bất hợp pháp. Phát sinh ra các tệ nạn cướp bóc, trộm lộn, mại dâm (Malaysia, Đài loan, Nga...). Họ phó mặc cho số phận hồng kiếm được tiền để trả nợ. Không ít người đã phải đối mặt với sự trừng phạt của pháp luật tại nước sở tại.

Không kể sinh nhai, một số LĐQT chấp nhận về nước dù không được đền bù hợp đồng. Không có tiền, họ phải kêu gọi gia đình vay nợ gửi tiền sang để lo vé về.

Chồng em cách đây 6 tháng điện về không có tiền ăn, tiền điện thoại. Muốn về phải gửi sang 1500 USD.

¹ Âm chỉ việc làm mại dâm

(Nữ 32 tuổi, có chồng đi Séc được 1 năm không có việc làm, Hà Tĩnh)

Có tới 80% LĐQT tại Malaysia muốn về nước với gánh nặng nợ nần. Số còn lại không dám về vì nợ, cố ở lại chờ đợi cơ hội kiếm tiền trả nợ. Thậm chí có người do không có VISA (bị chủ giữ/bị thu) tìm cách về nước bất hợp pháp, chấp nhận vượt biên trái phép chịu rất nhiều nguy hiểm đến tính mạng.

Với nhóm LĐQT bất hợp pháp (Đông Âu cũ, một số tại Hàn Quốc...) họ hoàn toàn phải là tự đối phó. Cộng đồng lao động Việt Nam có trợ giúp, nhưng không được nhiều. Không có một tổ chức nào đứng ra hỗ trợ cho họ. Dù không có thu nhập, nhưng họ không thể về nước vì chi phí lúc đi quá cao (12.000 - 16.000 USD) sẽ không bao giờ trả được với thu nhập trong nước. Hơn nữa, do ra đi bất hợp pháp nên thủ tục về nước hoàn toàn không đơn giản. Họ thường bắt buộc phải sống với điều kiện hết sức tồi tệ (đói, rét, thậm chí đi xin ăn) để hy vọng công việc, thu nhập sẽ khá lên trong tương lai.

Hỗ trợ lẫn nhau:

Phương thức hỗ trợ lẫn nhau của LĐQT Việt Nam để đối phó với khủng hoảng là có nhưng không mang nhiều hiệu quả. Thu nhập của lao động Việt Nam (tại Malaysia, Đài Loan) thường chỉ vừa đủ ăn nếu không làm thêm. Họ hầu như không có tích lũy, tiết kiệm để phòng rủi ro. Hơn nữa, lao động Việt Nam thường không được tổ chức, gắn kết với nhau tốt. Hình thức chủ yếu là người còn việc làm cho người mất việc vay tiền sống qua ngày, khi có việc thì họ trả và cứ thế xoay vòng, cố tồn tại để chờ đợi hết suy thoái.

Phương thức di cư sang các nước có người thân, có điều kiện kinh tế tốt: Nga sang Đức, Séc, hay Séc sang Đức, Anh... là lựa chọn của một số LĐQT. Họ thường đi theo mạng lưới xã hội đen với chi phí tương đối lớn và được trừ vào công lao động sau này nếu đi thoát. Tuy nhiên, nguy cơ rủi ro rất cao, nguy cơ bị chà đạp nhân phẩm là thường trực.

Có phụ nữ khi đi thì bình thường, đến được nước mình cần đến thì đã có con. Hành trình có khi từ 6 tháng đến 1 năm chịu rất nhiều chà đạp như con vật.

(Nam 37 tuổi, LĐQT ở Đức về nước 2/2009, Hà Tĩnh).

Nhiều ý kiến cho rằng, mạng lưới xã hội này có vai trò tích cực nhất định trong giải quyết những khó khăn cho LĐQT bất hợp pháp, vì thế có thể giảm thiểu tác động của khủng hoảng đối với họ.

BÀN LUẬN:

Kết quả của nghiên cứu gợi mở một số vấn đề để quá trình LĐQT trở nên bền vững hơn. Hiện tại, hợp đồng lao động cũng như người lao động thiếu kiến thức về quyền lợi của họ. Thiếu sự giám sát và hỗ trợ thỏa đáng của các đơn vị XKLD. Chưa có sự quan tâm thích đáng tới người lao động cả khi họ ở nước ngoài và khi họ buộc phải trở về Việt nam sớm trước thời hạn. Vì vậy Chính phủ, đặc biệt là Bộ Thương binh, Lao động và Xã hội cần rà soát lại quy trình và giám sát mọi khía cạnh của việc xuất khẩu lao động.

Các phát hiện cũng chỉ ra rằng, hộ nghèo có người đi LĐQT cần được hỗ trợ bằng nhiều cách khác nhau. Chẳng hạn, có thể là các chương trình và hành động cụ thể giúp người lao động trở về tìm được việc làm, hỗ trợ đặc biệt giúp trả nợ với mức lãi xuất

thấp, và các chương trình, chính sách phúc lợi xã hội có mục tiêu hỗ trợ các gia đình này trong các lĩnh vực về giáo dục, chăm sóc sức khỏe, và ổn định mức sống (những biện pháp này có thể đưa vào các chương trình giảm nghèo hiện nay).